

Số: 04/BC-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

## **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty CP Công trình Viettel.

Ban Điều hành xin được báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và kế hoạch kinh doanh năm 2023, cụ thể như sau:

### **I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2022**

#### **1. Tổng quan về môi trường kinh doanh năm 2022:**

Năm 2022, tình hình thế giới diễn biến phức tạp: Xung đột quân sự Nga - Ucraina kéo dài; Trung Quốc áp dụng chính sách Zero Covid; Kinh tế thế giới suy giảm, lạm phát ở mức cao; chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy, chi phí logistic, giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng cao.

Trong nước, hoạt động SXKD đã phục hồi tích cực ở hầu hết các lĩnh vực, lạm phát được kiểm soát, GDP tăng trưởng 8,02% là mức tăng cao nhất giai đoạn 2011-2022, cao nhất trong khu vực. Song nền kinh tế vẫn tiếp tục phải đối mặt với nhiều thách thức; chính sách tăng lãi suất ngân hàng, siết room tín dụng ảnh hưởng khó khăn đến việc tiếp cận vốn của các dự án xây dựng.

Tập đoàn chuyển giao thể hệ lãnh đạo thứ 3, tiếp tục xây dựng và phát triển trong kỷ nguyên mới với sứ mệnh mới và nhận diện mới.

Năm 2022, đánh dấu những sự thay đổi mang tính chiến lược, bền vững của VCC trên mọi mặt hoạt động SXKD (*Bổ nhiệm, kiện toàn chức danh Chủ tịch HĐQT; Niêm yết 93 triệu cổ phiếu, hoàn thiện mô hình chuẩn Công ty đại chúng niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE; Đổi tên Chi nhánh kỹ thuật (CNKT) → Chi nhánh Công trình (CNCT) phù hợp với chiến lược của Tổng Công ty (TCT); Chuyển dịch bộ máy tuyến Tỉnh/huyện toàn trình theo các lĩnh vực kinh doanh...*).

Kiên định với mục tiêu chiến lược SXKD 2021-2025, toàn thể CBNV TCT đoàn kết, quyết tâm hoàn thành một cách ấn tượng tất cả các chỉ tiêu SXKD và nhiệm vụ năm 2022, là điểm sáng và được đánh giá cao trong hệ sinh thái của Viettel.

#### **2. Đánh giá thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch**

##### **- Chỉ tiêu kế hoạch hợp nhất:**

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Tên chỉ tiêu	TH 2021	TH 2022			So với 2021	
			KH	TH	%KH	Δ	%Δ
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu tài chính</b>						
1	Tổng doanh thu	7.461	8.586	9.398	109%	1.937	26,0%
2	Tổng chi phí	6.990	8.069	8.843	110%	1.854	26,5%
3	LNTT	471,6	517,6	555	107%	83	17,7%
4	LNST	375,3	413,8	443	107%	68	18,0%
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu hiệu quả</b>						
1	ROA (%)	9,6%	9,0%	8,9%	98%	-0,7%	-7,5%
2	ROE (%)	31,6%	28,8%	30,2%	105%	-1,5%	-4,6%

(Số liệu trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán)

**- Chỉ tiêu kế hoạch công ty mẹ:**

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Tên chỉ tiêu	TH 2021	TH 2022			So với 2021	
			KH	TH	%KH	Δ	%Δ
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu tài chính</b>						
1	Tổng doanh thu	6.669	7.607	8.238	108%	1.569	24%
2	Tổng chi phí	6.217	7.109	7.708	108%	1.491	24,0%
3	LNTT	451,8	498,2	530	106%	78	17,3%
4	LNST	364,6	399,4	427	106,9%	62	17,1%
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu hiệu quả</b>						
1	ROA (%)	10,0%	9,9%	9,1%	92%	-0,8%	-8,2%
2	ROE (%)	31,20%	29,45%	29,8%	101%	-1,4%	-4,5%

**- Chỉ tiêu về hiệu quả tài chính: Tình hình tài chính công ty an toàn, kinh doanh hiệu quả.**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH Năm 2022	TH Năm 2021	Tăng/giảm so 2021
1	Chỉ tiêu về Khả năng thanh toán				
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,21	1,21	0%
	- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,99	0,98	1%
2	Chỉ tiêu về Cơ cấu vốn				
	- Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,73	0,67	9%
	- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,72	2,02	34%
	- Hệ số Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	Lần	0,27	0,33	-19%
3	Chỉ tiêu về Năng lực hoạt động				
	- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	11,72	11,03	6%
	- Vòng quay các khoản phải thu	Lần	4,71	4,32	9%
	- Vòng quay các khoản phải trả	Lần	20,26	13,42	51%
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,55	1,88	-17%
4	Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời				
	- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,7%	5,0%	-6%



- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	27,3%	28,6%	-5%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	7,3%	9,5%	-23%

### 3. Đánh giá các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 3.1. Những mặt đạt được

- Hoàn thành vượt kế hoạch tất cả các chỉ tiêu SXKD và tăng trưởng cao so với năm 2021, đóng góp vào sự phát triển chung của Tập đoàn; Đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động.

- Các chỉ số tài chính đạt kế hoạch, đảm bảo ở mức an toàn (Dòng tiền ròng đạt 651 tỷ tăng trưởng 23% so với thực hiện năm 2021; Vốn chủ sở hữu tăng từ 1.311,7 tỷ lên 1.624,8 tỷ; Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu 2,7 lần).

- Lĩnh vực Vận hành khai thác (VHKT): Đảm bảo chất lượng VHKT hạ tầng mạng lưới của Tập đoàn (100% các KPIs đạt và tốt hơn target; Đưa vào điều hành bộ KPI CĐBR mới, tăng chất lượng phục vụ khách hàng và cạnh tranh với các đối thủ); Năng suất lao động tăng 7,4% so với N2021; Tiếp tục mở rộng VHKT ngoài Tập đoàn (*Tiếp nhận VHKT 3 tỉnh SHAN Myanmar; Vận hành trạm BTS cho 4 Towerco với 586 trạm*). Doanh thu đạt 4.914 tỷ tăng trưởng 19% so TH năm 2021.

- Lĩnh vực Đầu tư hạ tầng cho thuê: Năm 2022, hoàn thành đầu tư xây dựng và đồng bộ hạ tầng 1.865 trạm BTS, lũy kế sở hữu 4.286 trạm BTS; 1,87 triệu m<sup>2</sup> DAS; 2.682 km truyền dẫn treo; 24,4 km truyền dẫn ngầm; 53 hệ năng lượng mặt trời (NLMT) ~ 16,87 MWp. Trở thành TowerCo lớn nhất tại Việt Nam (OCK đứng thứ 2 với 3.240 trạm BTS). Doanh thu đạt 314 tỷ, tăng trưởng 56% so với TH năm 2021.

- Lĩnh vực Xây dựng: Chuyên nghiệp hóa hoạt động xây lắp từ khâu thiết kế tới giám sát công trình (*ứng dụng BIM trong thiết kế, hệ thống IOC giám sát công trình*); Đảm bảo tiến độ, chất lượng triển khai các dự án viên thông trọng điểm của Tập đoàn (*2.500 giải pháp nâng cao chất lượng mạng lưới, 300.000 công Gpon, lắp đặt thiết bị 4.000 trạm BTS*). Lĩnh vực xây lắp ngoài Tập đoàn đạt mức tăng trưởng ấn tượng (*đạt 2.007 tỷ, tăng trưởng 145%*); Ký kết hợp đồng triển khai nhiều dự án giá trị lớn trên 100 tỷ với các Chủ đầu tư: Novaland, Đất Xanh, MBLand, Trần Anh Group, Tuta Group, BGI Group... (*tổng nguồn việc được ký kết 2.000 tỷ*); Phủ rộng, phủ sâu thương hiệu VCChomes “Xây nhà có tâm – Chọn người có tâm” (*Giá trị công trình nhà dân trung bình đạt 800 triệu/căn; Triển khai các công trình xây nhà trọn gói; Mỗi công trình đều đã có thiết kế smart mang dấu ấn đặc trưng riêng của TCT; Tỷ lệ phủ huyện đạt 90%, phủ xã đạt 20%*). Tổng doanh thu lĩnh vực xây dựng đạt 2.393 tỷ, tăng trưởng 27% so với TH năm 2021, trở thành động lực tăng trưởng chính của TCT (*tỷ trọng đóng góp vào tổng doanh thu tăng từ 20% năm 2021 lên 27% năm 2022*).

- Lĩnh vực Giải pháp tích hợp, thương mại: Năm 2022, Quy hoạch điện VIII chưa được ban hành, không có chính sách giá điện FIT3, TCT vẫn triển khai tiếp xúc với các quỹ đầu tư (Green Yellow, SkyX, CMES...) để triển khai các dự án điện áp mái, khu công nghiệp xanh theo cơ chế DPPA. Đồng thời TCT cũng chủ động, đẩy mạnh kinh doanh, triển khai các dự án ME, ICT; Mở rộng hệ sinh thái



nhà cung cấp, đa dạng hóa các sản phẩm đưa vào kinh doanh; Đưa vào kinh doanh 3 sản phẩm mang thương hiệu TCT (VCC Smarthome, VCC smart logger, Bếp từ AIO). Doanh thu năm 2022 đạt 1.441 tỷ, tăng 27% so với năm 2021.

- Lĩnh vực Dịch vụ kỹ thuật: Năm 2022, thương hiệu dịch vụ kỹ thuật của TCT đã được khách hàng đón nhận, VCC Services đạt giải vàng dịch vụ CSKH xuất sắc Globee 2022. TT.DVKT xây dựng bộ máy kinh doanh ngành dọc DVKT xuyên suốt từ TCT xuống CNCT Tỉnh/TP, toàn trình triển khai B2B và B2C; Số hóa toàn bộ hoạt động kinh doanh của DVKT lên phần mềm Homeservice từ khi khảo sát đến khi hoàn thành đơn hàng tới từng cá nhân; Phát triển được 500.000 app Homeservice mới. Doanh thu đạt 308 tỷ tăng 191% so với năm 2021.

- TCT đã hoàn thiện bộ máy kinh doanh theo từng trụ kinh doanh xuyên suốt từ TCT xuống cơ sở (Kinh doanh tuyến huyện); Triển khai việc xây dựng toàn bộ quy trình, công việc lõi theo tiêu chuẩn ISO, áp dụng nhiều tiêu chuẩn ISO vào hoạt động SXKD (ISO 22301, SA8000, ISO 26000, ISO 14000...).

- Chuyển đổi số diễn ra sôi nổi, toàn diện, ứng dụng công nghệ số vào mọi mặt hoạt động SXKD và vận hành. TCT đạt tốc độ tăng trưởng điểm chuyển đổi số nhanh nhất Viettel (tăng 0.8 điểm từ 2.5 năm 2021 lên 3.3 hết năm 2022). Hiện tại, TCT đứng thứ 2 về điểm chuyển đổi số trong các doanh nghiệp thuộc hệ sinh thái ViettelGroup.

- Vấn đề con người được quan tâm, chú trọng hàng đầu: Tăng cường cơ chế khen thưởng, gắn thu nhập với chất lượng công việc (*xây dựng cơ chế lương chất lượng, trao quà bảo hiểm nhân thọ cho 168 nhân sự xuất sắc*); Thuê đơn vị tư vấn về nhân sự, từng bước quản trị nhân sự theo tiêu chuẩn thế giới (thuê Deloitte tư vấn xây dựng khung năng lực lãnh đạo, hoàn thành triển khai và áp dụng tại TCT); Hình thành và triển khai văn hóa doanh nghiệp TCT trên cơ sở xây dựng và kết nối 6 văn hóa nền tảng (*Văn hóa lấy khách hàng làm trung tâm, Chuyển đổi số, Chất lượng, Quản trị rủi ro, Học tập, Thực thi*).

- Thương hiệu Viettel Construction tiếp tục củng cố được vị thế, hình ảnh tại thị trường kinh tế Việt Nam với 12 giải thưởng trong nước và 01 giải thưởng quốc tế: Xếp thứ 153 Top 500 doanh nghiệp lớn nhất; Top 50 doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam năm 2022; Top 50 doanh nghiệp niềm yết tốt nhất trên sàn chứng khoán Việt Nam; Top 100 nhà tuyển dụng được yêu thích nhất; Đạt giải Anphabe nơi làm việc tốt nhất Việt Nam (*đứng thứ 3 ngành xây dựng/kiến trúc; đứng thứ 64 Top 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam; Top 50 doanh nghiệp Việt có thương hiệu Nhà tuyển dụng hấp dẫn*).

### **3.2. Những nguy cơ, điểm cần cải thiện**

- Việc mở rộng VHKT nước ngoài không đạt mục tiêu do các vấn đề chiến sự, cam kết bản địa (Myanmar: Tiếp nhận 15/18 Tỉnh ~ 83% kế hoạch).

- Chưa có giải pháp đột phá trong việc đẩy mạnh kênh bán XHH. Doanh thu kênh XHH mặc dù tăng trưởng mạnh so với năm 2021, tuy nhiên không hoàn thành mục tiêu năm (*Đạt 1.232 tỷ ~ 83% KH, tăng trưởng 229% so với TH năm 2021*).

## **II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023**

### **1. Dự báo về môi trường kinh doanh**



- Chính trị, kinh tế thế giới tiếp tục biến động phức tạp, khó lường làm biến động giá cả, nguyên vật liệu đầu vào, đứt gãy chuỗi cung ứng. Tại Việt Nam, chính sách thắt chặt tiền tệ, siết room tín dụng có thể tiếp tục duy trì trong năm 2023 ảnh hưởng đến việc tiếp cận vốn của các doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp xây dựng, các dự án bất động sản → ảnh hưởng rất lớn đến mảng XDDD của TCT.

- Quy hoạch điện 8 về năng lượng tái tạo (điện gió) dự kiến được phê duyệt trong năm 2023 -> Cơ hội tiếp tục phát triển mảng năng lượng tái tạo (EPC, Đầu tư, M&A).

- Chủ trương của Chính phủ tập trung phát triển hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hạ tầng giao thông, hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, hạ tầng số, thúc đẩy tăng trưởng xanh, chuyển đổi số -> Cơ hội cho VCC tiếp cận các dự án đầu tư công về hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật, chuyển đổi số, ...

- Tập đoàn chủ trương ưu tiên tối đa cho TCT đầu tư và triển khai hạ tầng viễn thông mới (BTS); Tốc độ đô thị hóa nhanh trong khi việc tổ chức hạ tầng tại 62/63 tỉnh/TP (trừ HCM) chưa được chú trọng triển khai bài bản -> Cơ hội cho TCT thực hiện đầu tư BTS, công bố cho thuê.

- Dự báo mức tăng trưởng mua sắm năm 2023 tại vùng nông thôn nhanh hơn thành thị -> Cơ hội TCT OEM sản phẩm điện gia dụng chất lượng tốt, giá cạnh tranh, hướng tới tập khách hàng có mức thu nhập trung bình.

## 2. Chủ trương, định hướng kinh doanh năm 2023:

- **Khẩu hiệu hành động:** “Trong – Liên kết phát triển, Ngoài – Tăng trưởng bền vững” làm phương châm chỉ đạo trong triển khai, thực hiện các nhiệm vụ SXKD năm 2023.

- Tăng trưởng bền vững đi cùng với làm đúng pháp luật và đảm bảo chất lượng, trong đó, đề cao yếu tố "Thượng tôn pháp luật" được đặt lên hàng đầu.

- Mỗi trụ kinh doanh đều có sứ mệnh, mục tiêu của mình, để cạnh tranh trong môi trường khắc nghiệt phải có cách làm khác biệt, chuyên nghiệp, ứng dụng công nghệ mới, đảm bảo uy tín về chất lượng sản phẩm và tiến độ thực hiện, giá cả cạnh tranh.

- Tiếp tục thực hiện lộ trình xây dựng các trung tâm kinh doanh và CNCT tỉnh/TP như một đơn vị hạch toán độc lập.

- Duy trì hoạt động đánh giá, phân tích đối thủ để xây dựng kế hoạch hành động kịp thời. Các sản phẩm dịch vụ trọng điểm phải nằm trong TOP 3 thị trường.

## 3. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

### 3.1. Chỉ tiêu hợp nhất

TT	Chỉ tiêu hợp nhất	TH 2022	KH 2023	So với 2022	
				Δ	%Δ
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu tài chính</b>				
1	Tổng doanh thu	9.398	10.338	940	10,00%
2	Tổng chi phí (tỷ đồng)	8.843	9.725	882	9,97%
3	LNTT (tỷ đồng)	554,9	613,2	58	10,51%
4	LNST	442,9	487,0	44	9,96%

II	Chỉ tiêu hiệu quả				
1	ROA (%)	8,9%	8,2%	-0,62%	-6,97%
2	ROE (%)	30,2%	28,0%	-2,1%	-7,09%

### 3.2. Chỉ tiêu công ty mẹ

TT	Chỉ tiêu công ty mẹ	TH 2022	KH 2023	So với 2022	
				Δ	%Δ
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu tài chính (tỷ đồng)</b>				
1	Tổng doanh thu	8.238	9.256	1.018	12,36%
2	Tổng chi phí (tỷ đồng)	7.708	8.667	959	12,44%
3	LNTT (tỷ đồng)	530,1	589,5	59	11,20%
4	LNST	427,0	471,6	45	10,45%
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu hiệu quả (%)</b>				
1	ROA	9,1%	8,6%	-0,54%	-5,86%
2	ROE	29,8%	27,7%	-2,15%	-7,21%

### 4. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2023:

- Nâng cao chất lượng dịch vụ VHKT, đảm bảo các KPI theo hợp đồng SLA của Chủ đầu tư.
- Giữ vững thị phần Towerco số 1 Việt Nam.
- Số 1 về độ phủ công trình xây dựng nhà ở riêng lẻ.
- Trung tâm XDDD tiến tới trở thành công ty xây dựng đa dịch vụ, nguồn việc đạt 2.000 tỷ.
  - Phát triển sản phẩm độc quyền/OEM đưa vào kinh doanh (đưa vào kinh doanh tối thiểu 8 sản phẩm OEM).
  - Đem Dịch vụ kỹ thuật “tin cậy” đến từng hộ gia đình (Cung cấp dịch vụ cho 500.000 thuê bao, Top 1 vận hành cho các chuỗi, Top 1 vận hành năng lượng mặt trời áp mái).
  - Củng cố, phát triển bền vững kênh bán XHH; đẩy mạnh các kênh marketing Social (Doanh thu kênh XHH đạt 2.000 tỷ; Doanh thu Digital đạt 200 tỷ).
  - Chuyển đổi mô hình kinh doanh CNCT tỉnh/TP và trung tâm kinh doanh như một đơn vị hạch toán độc lập.

### 5. Nhiệm vụ cụ thể các lĩnh vực:

#### 5.1. Vận hành khai thác:

- Tập trung nâng cao chất lượng, rút ngắn thời gian triển khai mới dịch vụ CDBR đến cho khách hàng, tương đương với các đối thủ trên thị trường để tăng tính cạnh tranh và gìn giữ khách hàng.
- Doanh thu 5.354 tỷ, tăng 9% so với năm 2022.

#### 5.2. Đầu tư hạ tầng cho thuê:



- Giữ vị trí số 1 thị trường Việt Nam về sở hữu hạ tầng viễn thông; triển khai mới 2.500 trạm BTS, lũy kế sở hữu 6.786 vị trí; Nâng tỷ lệ dùng chung hạ tầng đạt 1.04.

- Doanh thu 472 tỷ, tăng 50% so với năm 2022.

### **5.3. Xây dựng:**

- Mở rộng không gian kinh doanh ra các lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng khu công nghiệp, dự án vốn ngân sách (Bộ Quốc phòng, Bộ Công An, vốn ngân sách tại địa phương), hoàn thiện nền tảng năng lực cho các loại hình xây dựng, các dự án lớn, trọng điểm như: dự án sân bay, dự án cảng biển, nhà ở xã hội...

- Thực hiện chủ trương “Xây dựng B2C là nền tảng, SME là phát triển” với sứ mệnh đem đến cho khách hàng giải pháp xây dựng “*Công năng - Thông minh - Xanh - Giá cạnh tranh*”. Mục tiêu mỗi CNCT tỉnh ký 05 hợp đồng B2C/tháng, 100% CNCT tỉnh/TP tự thực hiện được dự án SME.

- Nghiên cứu và đưa vào kinh doanh sản phẩm giải pháp “Sân vườn và nội thất”.

- Doanh thu 3.082 tỷ, tăng 29% so với năm 2022.

### **5.4. Giải pháp tích hợp:**

- Tập trung các sản phẩm trọng điểm: Giải pháp cơ điện nhà máy, tòa nhà; hệ thống truyền tải & EMS cho KCN; giải pháp Solar rooftop & ESS; giải pháp smart cho chuỗi cửa hàng, phòng khám, nhà hàng, khách sạn, trường học, khu chợ, smarthome; giải pháp cho nông thôn mới; chuyển đổi số UBND huyện – xã.

- Doanh thu tối thiểu 1.045 tỷ.

### **5.5. Dịch vụ kỹ thuật:**

- Cung cấp Dịch vụ kỹ thuật “tin cậy” đến doanh nghiệp và hộ gia đình với 04 sản phẩm chính: Homeservice và Solar service, IT service và Operation services. Mục tiêu: Cung cấp dịch vụ cho 500.000 thuê bao, Top 1 vận hành cho các chuỗi, Top 1 vận hành năng lượng mặt trời áp mái.

- Doanh thu 354 tỷ, tăng 15% so với năm 2022.

## **6. Giải pháp thực hiện:**

Xác định tập trung thực hiện các giải pháp sau:

### **6.1. Con người, quy trình, công nghệ, quản trị:**

#### **✓ Con người:**

- Xây dựng chiến lược nguồn nhân lực: Quy hoạch cơ cấu lực lượng lao động chuyển đổi theo hướng TCT công nghệ, chuyển dịch số, và hướng khách hàng.

- Triển khai ứng dụng khung năng lực lãnh đạo với yêu cầu “Lãnh đạo con người” sẽ được đặt lên trước “Lãnh đạo kinh doanh”.

- Xây dựng và giáo dục văn hóa doanh nghiệp; Biến nhận thức thành hành động, hành động hướng mục tiêu.

#### **✓ Quy trình:**

- Tích hợp tất cả các hệ thống QLCL liên quan tới các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO quốc tế (ISO 20000-1; ISO 27001; ISO 9001; ISO 14001; ISO 45001; ISO 22301).

- Tỷ lệ số hóa quy trình đạt trên 95%; 100% nghiệp vụ đều có quy trình hướng dẫn thực hiện.

#### **✓ Công nghệ:**

- Áp dụng chuyển đổi số xuyên suốt vào hoạt động SXKD của TCT.
- Tối ưu nâng cấp hệ thống điều hành tập trung IOC, triển khai 300 RPA nghiệp vụ và 10-15 use case AI/BI trong năm 2023.
- Quản lý và phát triển CSDL khách hàng hợp nhất trên nền tảng hệ thống CIM.

✓ **Quản trị:**

- Tối ưu mô hình tổ chức: Xây dựng và vận hành mô hình tổ chức căn cứ theo chiến lược 2022 - 2025 hướng mục tiêu và hiệu quả thực thi.
- Xây dựng chiến lược tài chính, thúc đẩy quá trình chuyển đổi mô hình hạch toán tại các TT, CN trực thuộc.

**6.2. Kênh bán, kênh triển khai, kênh kiểm soát chất lượng:**

- **Kênh bán:** Xây dựng chính sách kích thích CTV “hạt nhân”; Tổ chức kênh bán chéo các sản phẩm, giải pháp thông minh vào các công trình dự án B2B/B2C do TCT triển khai; Chủ động nghiên cứu thị trường để xây dựng mô hình kinh doanh mới, sản phẩm mới đưa vào kinh doanh.

- **Kênh triển khai:** Quy hoạch đối tác vật tư, nhân công theo chuỗi cung ứng; Đầu tư CCDC, thiết bị để nâng cao năng lực, tăng khả năng cạnh tranh khi tham gia thị trường mới.

- **Kênh kiểm soát:**

- + Tổ chức lực lượng giám sát chuyên nghiệp, có chứng chỉ và kỹ năng.
- + Xây dựng văn hóa QLCL xuyên suốt từ TCT đến TTQH, đến từng cá nhân.
- + Kiểm soát đa kênh: Tổ chức song song nguồn lực kiểm soát bằng con người (lực lượng KSCL), bằng máy (phần mềm IOC, camera AI).

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua./.



**PHẠM ĐÌNH TRƯỜNG**



**Phụ lục 1: Thuật ngữ và các từ viết tắt**

<b>Từ viết tắt</b>	<b>Diễn giải</b>
VCC	Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
TCT	Tổng Công ty
TĐ	Tập đoàn
CNCT	Chi nhánh Công trình Viettel Tỉnh/Thành phố
TTQH	Trung tâm Quận huyện
SXKD	Sản xuất kinh doanh
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
LNST	Lợi nhuận sau thuế
ROA (%)	Tỷ suất lợi nhuận ròng trên tổng tài sản bình quân
ROE (%)	Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu bình quân
ROS (%)	Tỷ suất lợi nhuận ròng trên tổng doanh thu
VHKT	Vận hành khai thác
ĐTHT	Đầu tư hạ tầng
GPTH	Giải pháp tích hợp
XDDD	Xây dựng dân dụng
DVKT	Dịch vụ kỹ thuật
CĐBR	Cổ định băng rộng
CSKH	Chăm sóc khách hàng
QLCL	Quản lý chất lượng
QTRR	Quản trị rủi ro
VHDN	Văn hóa doanh nghiệp
CTV	Cộng tác viên
CSDL	Cơ sở dữ liệu
NLMT	Năng lượng mặt trời
IOC	Intelligent Operation Center (Trung tâm điều hành thông minh)
RPA	Robotic Process Automation (Tự động hóa luồng quy trình nghiệp vụ bằng Robot)